

ĐỀ THI LÝ THUYẾT NHI - YHDP NĂM 4

Ngày thi: 27/2/2016

Số câu: 70 câu Thời gian: 50 phút

ĐỀ 221

1. Phòng ngừa áp xe vú, câu nào sau đây KHÔNG PHÙ HỢP:  
☒ A. Mẹ kiểm tra tuyến sữa sau mỗi cho con bú  
☐ B. Không cho trẻ bú khi vú mới viêm  
☐ C. Phát hiện điều chỉnh ngậm bắt vú kém  
☐ D. Ch - trẻ bú thường xuyên  
☐ E. Mẹ mặc áo rộng rãi
2. Triệu chứng và nguyên nhân vú căng tức và tắc tia sữa, câu nào sau đây KHÔNG PHÙ HỢP:  
☐ A. Vú bị đau, phù nề  
☐ B. Núm vú bóng đỏ  
☐ C. Sữa không chảy ra  
☒ D. Mẹ có sữa nhiều mẹ bú không hết  
☐ E. Mẹ không bị sốt
3. Lợi ích bú sữa non sớm sau sanh, câu nào sau đây KHÔNG PHÙ HỢP:  
☐ A. Giúp trẻ tận hưởng chất diệt khuẩn.  
☐ B. Kích thích tuyến yên mẹ sớm, tiết prolactin sớm giúp căng sữa sớm.  
☐ C. Kích thích tuyến yên mẹ sớm, tiết oxytocine sớm giúp mẹ ít mất máu hậu sản.  
☒ D. Giúp các nang đón sữa, không bị tắc, không gây áp xe vú.  
☐ E. Giúp trẻ phòng ngừa thiếu vitamin D
4. Đặc điểm của sữa non, câu nào sau đây KHÔNG PHÙ HỢP:  
☐ A. Có từ tháng thứ 4 bảo thai đến 6 ngày đầu sau sinh.  
☐ B. Màu vàng nhạt  
☐ C. pH = 7.7  
☒ D. Ít protein và nhiều lactose, chất béo so với sữa vĩnh viễn.  
☐ E. Giàu vitamin A, ít calcium phosphore
5. So với sữa mẹ, sữa bò tươi có:  
☐ A. Lượng đường cao hơn  
☐ B. Lượng đạm thấp hơn  
☒ C. Lượng béo thấp hơn  
☐ D. Nhiều vitamin hơn  
☒ E. Nhiều khoáng chất hơn
6. Nguyên tắc nuôi trẻ sơ sinh bằng sữa bò, CHỌN CÂU KHÔNG THÍCH HỢP:  
☐ A. Tập ăn từ loãng đến đặc  
☐ B. Từ ít đến nhiều  
☒ C. Mỗi ngày tăng 30ml cho mỗi bữa ăn  
☐ D. Tuần thứ 2: 80ml x 6 - 7 cữ /ngày  
☐ E. Tuần thứ 3: 90 ml x 6 cữ /ngày
7. Sữa đậu nành:  
☐ A. Khó tiêu hơn sữa bò  
☒ B. Nhiều đạm hơn sữa trâu.  
☐ C. Ít đạm hơn sữa mẹ  
☒ D. Đường cao hơn sữa mẹ  
☒ E. Béo thấp hơn sữa bò tươi
8. Cách sử dụng chất rau cho trẻ:  
☒ A. Rau rất cần để cung các chất sắt, muối khoáng và chất xơ  
☐ B. Từ tháng thứ 2 có thể cho uống nước rau  
☐ C. Từ tháng thứ 4 có thể cho trẻ ăn rau nghiền nhỏ  
☐ D. Từ tháng thứ 9 có thể cho ăn rau xào  
☐ E. Nên cho trẻ ăn một vài loại rau mà trẻ thích

ĐÚNG về tình huống chủng ngừa vì đã có kháng thể từ mẹ cho.  
 A. Không cần chủng ngừa vì đã có kháng thể từ mẹ cho.  
 B. Chủng ngừa viêm gan siêu vi B trong vòng 12 giờ sau sinh. X  
 C. Chủng ngừa viêm gan siêu vi B trong vòng 12 giờ sau sinh và chủng HBIG (Hepatitis B immune globuline) cùng thời điểm ở 2 vị trí khác nhau.  
 D. Trẻ nên làm xét nghiệm HBsAg và antiHBs sau liều thứ 1 từ 1-2 tháng.  
 E. Một bà mẹ bé trai 12 tháng tuổi đến khám để chủng ngừa. Bé đã được chủng ngừa lao lúc mới sinh; VGSVB – Hib- bạch hầu- ho gà – uốn ván- bại liệt 3 lần vào lúc 2,4 và 6 tháng tuổi; số lúc 9 tháng.

- A. Thương hàn
- B. Sởi quai bị rubella
- C. Thủy đậu
- D. Phế cầu
- E. Vaccin 5 trong 1 - Quinvaxem

69. Đặc điểm bệnh Kawasaki. **CHỌN CÂU SAI:**

- A. Viêm mạch máu không đặc hiệu ở các mạch máu có kích thước trung bình và lớn.
- B. Thường xảy ra ở trẻ nam, người gốc châu Á.
- C. Có nguy cơ tổn thương động mạch vành, động mạch thân, động mạch mạc treo tràng.
- D. Trong giai đoạn cấp có thể gây viêm cơ tim và trong giai đoạn bán cấp có thể gây nhồi máu tim.
- E. Đây là bệnh tim mắc phải thường gặp nhất ở trẻ em tại các nước phát triển.

70. Chẩn đoán bệnh Kawasaki thể không điển hình khi:

- A. 1 tiêu chuẩn chính + 4 tiêu chuẩn phụ + dẫn mạch vành
- B. 2 tiêu chuẩn chính + 3 tiêu chuẩn phụ + dẫn mạch vành
- C. 3 tiêu chuẩn chính + 2 tiêu chuẩn phụ + dẫn mạch vành
- D. 2/5 tiêu chuẩn + sốt trên 5 ngày + dẫn mạch vành
- E. 3/5 tiêu chuẩn + sốt trên 5 ngày + dẫn mạch vành



- hoạt động gần gũi của một trẻ gái 8 tuổi bao nhiêu là đầy đủ?
- A. Từ 7 giờ trở lên
  - B. Từ 3 giờ trở lên
  - C. Từ 9 giờ trở lên
  - D. Từ 10 giờ trở lên
  - E. Từ 11 giờ trở lên

60. Bé gái Hồng 36 tháng chiều cao - 2,7 SD, vòng cánh tay 113 mm. Đánh giá dinh dưỡng trẻ là:

- A. Suy dinh dưỡng cấp trung bình
- B. Suy dinh dưỡng cấp nặng
- C. Suy dinh dưỡng mãn
- D. A và C đúng
- E. B và C đúng

61. Bé Hùng có cân nặng là 7,5 kg. Biết rằng ở tuổi này, cân nặng theo tuổi lý tưởng là 10 kg. độ lệch chuẩn là 1 kg. Như thế cân nặng theo tuổi z-score hiện tại là:

- A. -3 SD
- B. -2,5 SD
- C. -1,25 SD
- D. -1 SD
- E. 0 SD

62. Dinh dưỡng tốt cho trẻ nhằm mục đích sau, NGOẠI TRỪ:

- A. Phòng tránh các bệnh cấp và mạn tính
- B. Phát triển tiềm năng thể chất
- C. Phát triển tiềm năng trí tuệ
- D. Tạo nền tảng nguồn dự trữ đối đầu các kích xúc

63. Như câu năng lượng hàng ngày theo lứa tuổi (Calo/kg/ngày) như sau:

- A. Sơ sinh - 3 tháng: 100, 3-6 tháng: 110, 6-12 tháng: 100, 1-3 tuổi: 90, 3-5 tuổi: 95
- B. Sơ sinh - 3 tháng: 100, 3-6 tháng: 110, 6-12 tháng: 100, 1-3 tuổi: 90, 3-5 tuổi: 90
- C. Sơ sinh - 3 tháng: 110, 3-6 tháng: 100, 6-12 tháng: 100, 1-3 tuổi: 95, 3-5 tuổi: 90
- D. Sơ sinh - 3 tháng: 95, 3-6 tháng: 110, 6-12 tháng: 100, 1-3 tuổi: 95, 3-5 tuổi: 90
- E. Sơ sinh - 3 tháng: 90, 3-6 tháng: 95, 6-12 tháng: 95, 6-12 tháng: 100, 1-3 tuổi: 95, 3-5 tuổi: 100

64. Phân bổ tỷ lệ calo giữa các chất như sau:

- A. Đạm 13%: Đường 60%: Béo 27%
- B. Đạm 27%: Đường 13%: Béo 60%
- C. Đạm 13%: Đường 27%: Béo 60%
- D. Đạm 15%: Đường 60%: Béo 25%
- E. Đạm 25%: Đường 60%: Béo 15%

65. Nguyên nhân thiếu Vitamin A ở trẻ em Việt Nam, CHỌN CÂU KHÔNG PHÙ HỢP:

A. Trên 70% các bà mẹ chưa biết tận hưởng sữa non

B. Khi bị mất sữa hoặc không đủ sữa nuôi con, trẻ chỉ được nuôi dưỡng đơn thuần bằng sữa mẹ

C. Đa số trẻ dưới 3 tuổi đều bị kiêng chất béo

D. 60% các bà mẹ chưa biết cho con ăn dặm thêm các chất khác

E. Trẻ thường thiếu rau xanh, trái cây, thịt, trứng, cá,...

66. Lứa tuổi thường kiểm tra sẹo BCG để đánh giá hiệu quả sau chủng ngừa lao là

- A. 1 tháng
- B. 2 tháng
- C. 4 tháng
- D. 6 tháng
- E. 8 tháng

ON/T → m/c  
EC/T → m → b/c

CM/CC → C

10 - 25

27. Một trẻ 3 tuổi đến khám vì ho, khó thở khám lâm sàng có thể nhận thấy bệnh trong viêm phổi mắc phải cấp tính, chưa trên được chẩn đoán viêm phổi. Yếu tố tiên đoán tốt nhất tác nhân gây bệnh là:

- A. Triệu chứng lâm sàng
- ☒ B. Giãn
- C. Tuổi
- D. Bất thường trên X-quang
- E. Mức độ nặng của bệnh

????

28. Một bé gái 18 tháng tuổi được chẩn đoán viêm phổi rất nặng, đã được điều trị bằng Cefotaxim 3 ngày, lâm sàng còn sốt cao, thở có âm ngực nặng. Xét nghiệm nào có giá trị nhất để tìm vi trùng gây viêm phổi ở bé này là:

- A. Huyết thanh chẩn đoán
- ☒ B. Hút dịch khí quản qua đường mũi (NTA)
- C. Nội soi và rửa phế quản
- D. Cây máu
- E. Tất cả đều đúng

29. Một trẻ gái 12 tháng tuổi, ho nhiều kèm bú kém đến khám tại phòng khám ngoại chấn, bác sĩ cần làm gì để biết bé có viêm phổi hay không?

- A. Hoi có sốt không
- ☒ B. Hoi khạc đàm xanh
- C. Đếm nhịp thở
- D. Hoi ngườn lấy cảm cúm trong nhà
- E. Tất cả đúng

30. Độc thủy tinh thể bẩm sinh thường do:

- A. Mẹ nhiễm chất độc da cam
- ☒ B. Mẹ thiếu vitamin A lúc mang thai
- C. Mẹ nhiễm rubella lúc mang thai
- D. Di truyền
- E. Sang chấn mẹ sinh

31. Phòng ngừa dị tật bẩm sinh **KHÔNG** BAO GỒM:

- A. Giáo dục tiền hôn nhân
- B. Tránh tiếp xúc với các yếu tố nguy cơ
- C. Chỉ sử dụng thuốc theo toa
- ☒ D. Tham vấn di truyền
- E. Tầm soát nhiễm Streptococcus nhóm B âm đạo ở phụ nữ mang thai

32. Vấn đề nào **KHÔNG PHẢI** là vấn đề Nhi xã hội trong thời kỳ dây thì:

- A. Hoàng thai
- B. Tự tử
- C. Nghiện hút
- ☒ D. Rối loạn kinh nguyệt
- E. Bệnh lây truyền qua đường tình dục

33. Trẻ sơ sinh 15 ngày tuổi đến khám vì sốt. Mẹ khai có 2 mẹ con có "nằm lừa", lúc bé sốt mẹ thì

chân bé mát. Mẹ đã cho bé uống thuốc hạ sốt ngay và đưa bé đến khám. Lúc vào viện, điều dưỡng và báo nhiệt độ của bé là 37°C. Chọn câu **ĐÚNG NHẤT**:

- A. Khen bà mẹ đã làm tốt khi đưa bé đến khám ngay
- B. Khám bé cẩn thận
- C. Cho bé nhập viện
- ☒ D. A, B đúng
- E. A, B, C đúng



27. Một trẻ 3 tuổi đến khám vì ho, khó thở khám lâm sàng có thể nhận thấy bệnh trong viêm phổi mắc phải cấp tính, chưa trên được chẩn đoán viêm phổi. Yếu tố tiên đoán tốt nhất tác nhân gây bệnh là:

- A. Triệu chứng lâm sàng
- ☒ B. Giãn
- C. Tuổi
- D. Bất thường trên X-quang
- E. Mức độ nặng của bệnh

28. Một bé gái 18 tháng tuổi được chẩn đoán viêm phổi rất nặng, đã được điều trị bằng Cefotaxim 3 ngày, lâm sàng còn sốt cao, thở có âm ngực nặng. Xét nghiệm nào có giá trị nhất để tìm vi trùng gây viêm phổi ở bé này là:

- A. Huyết thanh chẩn đoán
- ☒ B. Hút dịch khí quản qua đường mũi (NTA)
- C. Nội soi và rửa phế quản
- D. Cây máu
- E. Tất cả đều đúng

29. Một trẻ gái 12 tháng tuổi, ho nhiều kèm bú kém đến khám tại phòng khám ngoại chấn, bác sĩ cần làm gì để biết bé có viêm phổi hay không?

- A. Hỏi có sốt không
- ☒ B. Hỏi khám đàm xanh
- C. Đếm nhịp thở
- D. Hỏi nguồn lây cảm cúm trong nhà
- E. Tất cả đúng

30. Độc thủy tinh thể bẩm sinh thường do:

- A. Mẹ nhiễm chất độc da cam
- ☒ B. Mẹ thiếu vitamin A lúc mang thai
- C. Mẹ nhiễm rubella lúc mang thai
- D. Di truyền
- E. Sang chấn mẹ sinh

31. Phòng ngừa dị tật bẩm sinh **KHÔNG** BAO GỒM:

- A. Giáo dục tiền hôn nhân
- B. Tránh tiếp xúc với các yếu tố nguy cơ
- C. Chỉ sử dụng thuốc theo toa
- ☒ D. Tham vấn di truyền
- E. Tầm soát nhiễm Streptococcus nhóm B âm đạo ở phụ nữ mang thai

32. Vấn đề nào **KHÔNG PHẢI** là vấn đề Nhi xã hội trong thời kỳ dây thì:

- A. Hoàng thai
- B. Tự tử
- C. Nghiện hút
- ☒ D. Rối loạn kinh nguyệt
- E. Bệnh lây truyền qua đường tình dục

33. Trẻ sơ sinh 15 ngày tuổi đến khám vì sốt. Mẹ khai có 2 mẹ con có "nằm lừa", lúc bé sốt mẹ thì

chân bé mát. Mẹ đã cho bé uống thuốc hạ sốt ngay và đưa bé đến khám. Lúc vào viện, điều dưỡng và báo nhiệt độ của bé là 37°C. Chọn câu **ĐÚNG NHẤT**:

A. Khen bà mẹ đã làm tốt khi đưa bé đến khám ngay

B. Khám bé cẩn thận

C. Cho bé nhập viện

☒ D. A, B đúng.

E. A, B, C đúng

18. Chẩn đoán phân biệt viêm thanh khí quản cấp. NGOẠI TRỪ:

- A. Bạch hầu thanh quản
  - B. ☒ Bướu máu vùng thanh quản
  - C. ☒ Dị vật thanh quản
  - D. Viêm phổi khô khan
  - E. ☒ Mềm sụn thanh quản
19. Xương nào sau đây thông ra lỗ giữa của cuống mũi?
- A. ☒ Hàm, sàng trước và trán
  - B. ☒ Hàm, trán và bướm
  - C. ☒ Sàng trước, sàng sau và trán
  - D. ☒ Sàng trước, sàng sau và bướm
  - E. ☒ Hàm, trán và sàng sau

20. Nguyên nhân nào sau đây trong quá trình phát triển thai kỳ gây giảm sản phổi lúc sinh?

- A. ☒ Dị dạng mạch máu phổi
- B. Đa ối
- C. Thoát vị hoành
- D. ☒ Độ khí-thực quản
- E. ☒ Tón thương trung tâm hô hấp

21. Sơ sinh hay tắc mũi khi bị viêm mũi họng là do mũi:

- A. ☒ Nhỏ
- B. Ngăn
- C. Niêm mạc mỏng

D. Nhiều mao mạch  
E. ☒ Dễ bị sung huyết

22. Theo Stephan Berman, viêm tiểu phế quản nặng có một trong những dấu hiệu sau đây, NGOẠI TRỪ:

- A. Thở rên
- B. ☒ Nhịp thở  $> 70$  lần/phút
- C. ☒ Co lõm ngực nặng
- D. ☒ Có dấu hiệu mất nước
- E. ☒  $SpO_2 < 90\%$

23. Trẻ  $> 3$  tháng tuổi bị viêm tiểu phế quản được cho nhập viện khi có một trong những dấu hiệu sau đây, NGOẠI TRỪ:

- A. ☒ Nhịp thở  $\geq 70$  lần/phút
- B. ☒ Mạch  $\geq 120$  lần/phút
- C. ☒ Tím tái
- D. ☒ Bứt rứt, vật vã
- E. ☒ Xếp phổi trên X quang

24. Biện pháp nào sau đây không phải là điều trị chuẩn đối với trẻ viêm tiểu phế quản?

- A. ☒ Dinh dưỡng và bù nước điện giải
- B. ☒ Oxy liệu pháp nếu có giảm oxy máu
- C. ☒ Khí dung thuốc dẫn phế quản nếu chưa loại trừ hen
- D. ☒ Khí dung nước muối ưu trương
- E. ☒ Khí dung Ribavirin khi trẻ có bệnh tim phổi mãn và nhiễm RSV

25. Điều trị không được khuyến cáo cho trẻ viêm tiểu phế quản (chúng cứ 1A) là:

- A. ☒ Thông thoáng mũi bằng nước muối sinh lý
- B. ☒ Oxy liệu pháp nếu có chỉ định
- C. ☒ Dinh dưỡng và bù nước điện giải
- D. ☒ Thuốc dẫn phế quản đường uống
- E. ☒ Kháng sinh nếu có bội nhiễm phổi

26. Chỉ định thở Oxy khi trẻ có viêm phổi, CHỌN CÂU SAI:

- A. ☒ Thở rên ở trẻ  $< 2$  tháng
- B. ☒ Thở co lõm ngực nặng
- C. ☒ Không bù được

☒ Thở nhanh so với lứa tuổi  
E. ☒ Tím



1. Phòng ngừa áp xe vú, cầu nào sau đây KHÔNG PHÙ HỢP:
  - ☒ A. Mẹ kiểm tra tuyến sữa sau mỗi cho con bú
  - ☐ B. Không cho trẻ bú khi vú mới viêm
  - ☐ C. Phát hiện điều chỉnh ngậm bắt vú kém
  - ☐ D. Cho trẻ bú thường xuyên
  - ☐ E. Mẹ mặc áo rộng rãi
2. Triệu chứng và nguyên nhân vú căng tức và tắc tia sữa, cầu nào sau đây KHÔNG PHÙ HỢP:
  - ☐ A. Vú bị đau, phù nề
  - ☐ B. Nấm vú bóng đỏ
  - ☐ C. Sữa không chảy ra
  - ☒ D. Mẹ có sữa nhiều mẹ bú không hết
  - ☐ E. Mẹ không bị sốt
3. Lợi ích bú sữa non sớm sau sinh, cầu nào sau đây KHÔNG PHÙ HỢP:
  - ☐ A. Giúp trẻ tận hưởng chất diệt khuẩn.
  - ☐ B. Kích thích tuyến yên mẹ sớm, tiết prolactin sớm giúp căng sữa sớm.
  - ☐ C. Kích thích tuyến yên mẹ sớm, tiết oxytocine sớm giúp mẹ ít mất máu hậu sản.
  - ☒ D. Giúp các nang đón sữa, không bị tắc, không gây áp xe vú.
  - ☐ E. Giúp trẻ phòng ngừa thiếu vitamin D
4. Đặc điểm của sữa non, cầu nào sau đây KHÔNG PHÙ HỢP:
  - ☐ A. Có từ tháng thứ 4 bào thai đến 6 ngày đầu sau sinh.
  - ☐ B. Màu vàng nhạt
  - ☐ C. pH= 7.7
  - ☒ D. Ít protein và nhiều lactose, chất béo so với sữa vĩnh viễn.
  - ☐ E. Giàu vitamin A, ít calcium phosphore
5. So với sữa mẹ, sữa bò tươi có:
  - ☐ A. Lượng đường cao hơn
  - ☐ B. Lượng đạm thấp hơn
  - ☒ C. Lượng béo thấp hơn
  - ☐ D. Nhiều vitamin hơn
  - ☒ E. Nhiều khoáng chất hơn
6. Nguyên tắc nuôi trẻ sơ sinh bằng sữa bò, CHỌN CẦU KHÔNG THÍCH HỢP:
  - ☐ A. Tập ăn từ loãng đến đặc
  - ☐ B. Từ ít đến nhiều
  - ☒ C. Mỗi ngày tăng 30ml cho mỗi bữa ăn
  - ☐ D. Tuần thứ 2: 80ml x 6 - 7 cữ /ngày
  - ☐ E. Tuần thứ 3: 90 ml x 6 cữ /ngày
7. Sữa đậu nành:
  - ☐ A. Khá-tiêu hơn sữa bò
  - ☒ B. Nhiều đạm hơn sữa trâu.
  - ☐ C. Ít đạm hơn sữa mẹ
  - ☒ D. Đường cao hơn sữa mẹ
  - ☒ E. Béo thấp hơn sữa bò tươi
8. Cách sử dụng chất rau cho trẻ:
  - ☒ A. Rau rất cần để cung các chất sắt, muối khoáng và chất xơ
  - ☐ B. Từ tháng thứ 2 có thể cho uống nước rau
  - ☐ C. Từ tháng thứ 4 có thể cho trẻ ăn rau nghiền nhỏ
  - ☐ D. Từ tháng thứ 9 có thể cho ăn rau xào
  - ☐ E. Nên cho trẻ ăn một vài loại rau mà trẻ thích

**ĐÚNG** về tính hướng chủng ngừa cho trẻ sơ sinh khi mẹ có HBsAg (+):

- A. Không cần chủng ngừa vì đã có kháng thể từ mẹ cho.
- B. Chủng ngừa viêm gan siêu vi B trong vòng 12 giờ sau sinh. **X**
- C. Chủng ngừa viêm gan siêu vi B (immune globuline) trong vòng 12 giờ sau sinh. X**
- D. Chủng ngừa viêm gan siêu vi B trong vòng 12 giờ khác nhau.
- E. Trẻ nên làm xét nghiệm HBsAg và antiHBs sau lần thứ 1 từ 1-2 tháng.

68. Một bà mẹ bé trai 12 tháng tuổi đến khám để chủng ngừa. Bé đã được chủng ngừa lao lúc một tháng; VGSVB – Hib- bạch hầu- ho gà – uốn ván- bại liệt 3 lần vào lúc 2,4 và 6 tháng tuổi; sốt lúc 9 tháng.

- A. Thương hàn
- B. Sởi quai bị rubella
- C. Thủy đậu**
- D. Phế cầu
- E. Vaccin 5 trong 1 - Quinvaxem

69. Đặc điểm bệnh Kawasaki. **CHỌN CÂU SAI:**

- A. Viêm mạch máu không đặc hiệu ở các mạch máu có kích thước trung bình và lớn.**
- B. Thường xảy ra ở trẻ nam, người gốc châu Á.
- C. Có nguy cơ tổn thương động mạch vành, động mạch thân, động mạch mạc treo tràng.
- D. Trong giai đoạn cấp có thể gây viêm cơ tim và trong giai đoạn bán cấp có thể gây nhồi máu tim.

E. Đây là bệnh tim mắc phải thường gặp nhất ở trẻ em tại các nước phát triển.

70. Chẩn đoán bệnh Kawasaki thể không điển hình khi:

- A. 1 tiêu chuẩn chính + 4 tiêu chuẩn phụ + dẫn mạch vành
- B. 2 tiêu chuẩn chính + 3 tiêu chuẩn phụ + dẫn mạch vành
- C. 3 tiêu chuẩn chính + 2 tiêu chuẩn phụ + dẫn mạch vành
- D. 2/5 tiêu chuẩn + sốt trên 5 ngày + dẫn mạch vành
- E. 3/5 tiêu chuẩn + sốt trên 5 ngày + dẫn mạch vành**



27. Một trẻ 3 tuổi đến khám vì ho, khó thở khám lâm sàng có thể nhận thấy bệnh trong viêm phổi mắc phải cộng đồng là:

- A. Triệu chứng lâm sàng
  - ☒ B. Giày
  - C. Tuổi
  - D. Bất thường trên X-quang
  - E. Mức độ nặng của bệnh
28. Một bé gái 18 tháng tuổi được chẩn đoán viêm phổi rất nặng, đã được điều trị bằng Cefotaxim 3 ngày, lâm sàng còn sốt cao, thở có âm ngực nặng. Xét nghiệm nào có giá trị nhất để tìm vi trùng gây viêm phổi ở bé này là:
- A. Hayết thành chẩn đoán
  - ☒ B. Hút dịch khí quản qua đường mũi (NTA)
  - C. Nội soi và rửa phế quản
  - D. Cây máu
  - E. Tất cả đều đúng

29. Một trẻ gái 12 tháng tuổi, ho nhiều kèm bú kém đến khám tại phòng khám ngoại chấn, bác sĩ cần làm gì để biết bé có viêm phổi hay không?

- A. Hoi có sốt không
- ☒ B. Hoi khạc đàm xanh
- C. Đêm ngủ yên
- D. Hoi nguồn lấy cảm cúm trong nhà
- E. Tất cả đều đúng

30. Đục thủy tinh thể bẩm sinh thường do:

- A. Mẹ nhiễm chất độc da cam
- ☒ B. Mẹ thiếu vitamin A lúc mang thai
- C. Mẹ nhiễm rubella lúc mang thai
- D. Di truyền
- E. Sang chấn mẹ sinh

31. Phòng ngừa dị tật bẩm sinh **KHÔNG** BAO GỒM:

- A. Giao dục tiền hôn nhân
- B. Tránh tiếp xúc với các yếu tố nguy cơ
- C. Chỉ sử dụng thuốc theo toa
- ☒ D. Tham vấn di truyền
- E. Tắm soát nhiễm Streptococcus nhóm B âm đạo ở phụ nữ mang thai

32. Vấn đề nào **KHÔNG PHẢI** là vấn đề Nhi xã hội trong thời kỳ dây thì:

- A. Hoàng thai
- B. Tự tử
- C. Nghiện hút

☒ D. Rối loạn kinh nguyệt

E. Bệnh lây truyền qua đường tình dục

33. Trẻ sơ sinh 15 ngày tuổi đến khám vì sốt. Mẹ khai có 2 mẹ con có "nằm lừa", lúc bé sốt mẹ thì chân bé mát. Mẹ đã cho bé uống thuốc hạ sốt ngay và đưa bé đến khám. Lúc vào viện, điều dưỡng báo nhiệt độ của bé là 37°C. Chọn câu **ĐÚNG NHẤT**:

A. Khen bà mẹ đã làm tốt khi đưa bé đến khám ngay

B. Khám bé cẩn thận

C. Cho bé nhập viện

☒ D. A, B đúng.

E. A, B, C đúng

không gian ngủ của một trẻ gái 8 tuổi bao nhiêu là đầy đủ?

- A. Từ 7 giờ trở lên  
B. Từ 3 giờ trở lên  
C. Từ 9 giờ trở lên  
D. Từ 10 giờ trở lên  
E. Từ 11 giờ trở lên

60. Bé gái Hồng 36 tháng

- A. Suy dinh dưỡng cấp trung bình  
B. Suy dinh dưỡng cấp nặng  
C. Suy dinh dưỡng mãn  
D. A và C đúng  
E. B và C đúng

61. Bé Hùng có cân nặng là 7,5 kg. Biết rằng ở tuổi này, cân nặng theo tuổi lý tưởng là 10 kg. độ lệch

- A. -3 SD  
B. -2,5 SD  
C. -1,25 SD  
D. -1 SD  
E. 0 SD

62. Dinh dưỡng tốt cho trẻ nhằm mục đích sau, NGOẠI TRỪ:

- A. Phòng tránh các bệnh cấp và mạn tính  
B. Phát triển tiềm năng thể chất  
C. Phát triển tiềm năng trí tuệ  
D. Tạo nên một nguồn dự trữ đối đầu các kích xúc  
E. 50% nhu cầu hàng ngày dành cho tăng trưởng.

- A. Sơ sinh - 3 tháng: 100, 3-6 tháng: 110, 6-12 tháng: 100, 1-3 tuổi: 90, 3-5 tuổi: 95  
B. Sơ sinh - 3 tháng: 100, 3-6 tháng: 110, 6-12 tháng: 100, 1-3 tuổi: 90, 3-5 tuổi: 90  
C. Sơ sinh - 3 tháng: 110, 3-6 tháng: 100, 6-12 tháng: 100, 1-3 tuổi: 95, 3-5 tuổi: 90  
D. Sơ sinh - 3 tháng: 95, 3-6 tháng: 110, 6-12 tháng: 100, 1-3 tuổi: 95, 3-5 tuổi: 90  
E. Sơ sinh - 3 tháng: 90, 3-6 tháng: 95, 6-12 tháng: 95, 6-12 tháng: 100, 1-3 tuổi: 95, 3-5 tuổi: 100

64. Phân bố tỷ lệ calo giữa các chất như sau:

- A. Đạm 13%; Đường 60%; Béo 27%  
B. Đạm 27%; Đường 13%; Béo 60%  
C. Đạm 13%; Đường 27%; Béo 60%  
D. Đạm 15%; Đường 60%; Béo 25%  
E. Đạm 25%; Đường 60%; Béo 15%

65. Nguyên nhân thiếu Vitamin A ở trẻ em Việt Nam, CHỌN CÂU KHÔNG PHÙ HỢP:

- A. Trên 70% các bà mẹ chưa biết tận hưởng sữa non  
B. Khi bị mất sữa hoặc không đủ sữa nuôi con, trẻ chỉ được nuôi dưỡng đơn thuần bằng sữa mẹ  
C. Đa số trẻ dưới 3 tuổi đều bị kiêng chất béo  
D. 60% các bà mẹ chưa biết cho con ăn dặm thêm các chất khác  
E. Trẻ thường thiếu rau xanh, trái cây, thịt, trứng, cá,...

66. Lứa tuổi thường kiểm tra sọ BCG để đánh giá hiệu quả sau chủng ngừa lao là

- A. 1 tháng  
B. 2 tháng  
C. 4 tháng  
D. 6 tháng  
E. 8 tháng

ON/T → n/c  
EC/T → em → bhuq  
CN/CC → c

10 - 25



Vai trò của thuốc chống nôn:

- A. Nên được sử dụng trong mọi trường hợp nhằm làm giảm triệu chứng nôn.
- B. Quan trọng trong các trường hợp say tàu xe, nôn hậu phẫu, điều trị ung thư.
- C. Sử dụng đường tĩnh mạch trong các trường hợp bụng ngoại khoa.
- D. Một số thuốc có thể gây hội chứng nội tháp.
- E. Dùng sau mỗi lần nôn.

Tình huống cho câu 52-54: Một bệnh nhi 10 tuổi, được chẩn đoán bệnh thấp tim, viêm tâm nhĩ.

- 52. Bệnh nhi sẽ phải nghỉ ngơi trong bao lâu?  
A. 2 tuần.
- ☒ B. 4 tuần.
- C. 6 tuần.
- D. 3 tháng.
- E. 6 tháng.

53. Điều trị kháng viêm cho bệnh nhi này như thế nào?

- A. Aspirin uống liều tấn công trong 2 tuần và liều duy trì trong 6 tuần.
- B. Prednisone uống liều tấn công trong 2 tuần và liều duy trì trong 4 tuần.
- ☒ C. Prednisone uống liều tấn công trong 2 tuần, giảm liều prednisone từ từ rồi ngưng.
- D. Prednisone uống liều tấn công trong 2 tuần, giảm liều prednisone từ từ kèm theo Aspirin uống.
- E. Methylprednisolone tiêm mạch 2 ngày, sau đó uống Prednisone liều tấn công trong 3 tuần, rồi giảm liều từ từ trong 4 tuần.

54. Bệnh nhân này cần được cho kháng sinh dự phòng thấp tái phát trong bao lâu?

- ☒ A. Đến 15 tuổi.
- B. Đến 18 tuổi.
- C. Đến 25 tuổi.
- D. Đến 40 tuổi.
- E. Suốt đời.

Tình huống cho câu 55-56: Một bệnh nhi nam 8 tuổi đến phòng khám vì sốt ngày thứ ba, than đau họng, nuốt đau, không kèm sổ mũi. Bác sĩ khám thấy họng đỏ, hai amygdales to nhẹ, đỏ, hạch góc hàm phải khoảng 1cm, đau.

55. Tác nhân nào dưới đây có nhiều khả năng gây bệnh nhất ở bệnh nhi này?

- A. Streptococcus pneumoniae.
- ☒ B. Streptococcus group A.
- C. Staphylococcus aureus.
- D. Staphylococcus epidermidis.
- E. Hemophilus influenza.

56. Bệnh lý nào dưới đây có thể xảy ra ở bệnh nhi này thông qua cơ chế miễn dịch?

- A. Thấp tim. /
- B. Viêm vi cầu thận cấp.
- C. Hội chứng thận hư. /
- ☒ D. A và B đúng.
- E. A, B và C đúng.

57. Một trẻ 30 tháng được đánh giá là thừa cân nếu:

- A.  $CN/CC > 120\%$  /
- ☒ B.  $CN/CC > +2SD$  /
- C.  $BMI > bách phân vị thứ 85$
- D.  $BMI > bách phân vị thứ 95$
- E.  $BMI > 2SD$ .

58. Yếu tố nào KHÔNG tăng nguy cơ béo phì?

- A. Cha mẹ béo
- B. Thành phố
- C. Mùa trong năm
- ☒ D. Ngủ nhiều
- E. Béo lúc nhỏ.

9. Trẻ chán ăn trong thời kỳ ăn dặm, cần chú ý các nguyên nhân sau, CHỌN CẤU SAI:
- A. Do chế biến thức ăn
  - B. Chưa biết đa dạng hóa thức ăn tại địa phương
  - ☒ C. Cần tìm nguyên nhân nhân thực thể
  - D. Đa số là do nguyên nhân bệnh lý
10. Triệu chứng lâm sàng liên quan đến hạ calci máu ở trẻ còi xương bào thai, CHỌN CẤU SAI:
- A. Khóc dạ đề
  - B. Nấc cụt
  - C. Qe sữa
  - ☒ D. Tiêu và tiểu són nhiều lần
  - E. Bỏ bú
11. Phòng ngừa thiếu máu thiếu sắt:
- ☒ A. Bù mẹ ít nhất đến 6 tháng.
  - B. Nên bù thêm sữa bình vì sữa mẹ ít chất sắt hơn.
  - C. Bỏ sung sắt cho trẻ sinh non.
  - D. Có thể ăn dặm sớm từ tháng thứ 4.
  - ☒ E. Bỏ sung sắt ở phụ nữ mang thai.
12. Lâm sàng thiếu máu thiếu sắt, CHỌN CẤU SAI:
- ☒ A. Diễn tiến từ từ, tùy theo mức độ thiếu máu.
  - B. Da xanh xao, niêm nhợt.
  - ☒ C. Tóc khô, dễ gãy, rụng.
  - D. Gan lách thường to ở trẻ lớn.
  - E. Móng det, lõm, mất bóng.
13. Xét nghiệm trong thiếu máu thiếu sắt toàn phát:
- A. Sắt giảm, Ferritin giảm, Transferrin giảm, độ bão hòa Transferrin giảm.
  - ☒ B. Sắt giảm, Ferritin giảm, Transferrin giảm, độ bão hòa Transferrin tăng.
  - ☒ C. Sắt giảm, Ferritin giảm, Transferrin tăng, độ bão hòa Transferrin giảm.
  - D. Sắt giảm, Ferritin tăng, Transferrin tăng, độ bão hòa Transferrin giảm.
  - E. Sắt giảm, Ferritin tăng, Transferrin giảm, độ bão hòa Transferrin giảm.
14. Henoch-Scholein:
- A. Là tình trạng viêm mạch máu lớn thường gặp nhất ở trẻ em.
  - ☒ B. 90% bệnh gặp ở trẻ em.
  - ☒ C. Trẻ em da đen thường bị bệnh nhiều hơn trẻ da trắng và châu Á.
  - D. Chủ yếu liên quan đến yếu tố gia đình.
  - E. Liên quan đến HLA B4 và DR35.
15. Biểu hiện lâm sàng thường gặp nhất của Henoch-Scholein trên:
- A. Mắt
  - ☒ B. Da
  - C. Thận
  - D. Tiêu hóa
  - E. Khớp
16. Đặc điểm lâm sàng của viêm tai giữa cấp, NGOẠI TRỪ:
- ☒ A. Thường gặp ở trẻ > 2 tuổi
  - B. Nam gặp nhiều hơn nữ
  - C. Sốt và đau tai là 2 dấu hiệu lâm sàng thường gặp
  - D. Khoảng 80% trẻ bị ít nhất 1 lần và bệnh thường tái phát
  - E. Có thể gây biến chứng viêm tai xương chũm, nhiễm trùng huyết
17. Tác nhân gây viêm thanh khí phế quản cấp thường gặp nhất là:
- ☒ A. RSV
  - B. Parainfluenza virus
  - C. Haemophilus Influenzae
  - D. Adenovirus
  - E. Mycoplasma



07 tuổi, APGAR 8/9, cân nặng 2900g. Sau sinh, bé khỏe ngay, bú tốt, khám lâm sàng bình thường.

Chọn câu ĐÚNG:

- A. Trẻ này non tháng  
B. Trẻ này đủ cân  
C. Trẻ này bị nhiễm trùng sơ sinh

35. Theo dõi lâm sàng và xét nghiệm, nếu có bất thường cho kháng sinh ngay.

Thường là vi trùng gram dương

B. E.coli là tác nhân thường gặp nhất, chiếm 85% nhiễm trùng tiểu ngoài cộng đồng

C. Vi trùng Non-E.coli thường gây nhiễm trùng tiểu trên cơ địa bất thường đường tiểu

D. Staphylococcus aureus hiếm khi gây nhiễm trùng tiểu

E. Enterococcus là vi trùng Gram dương đường ruột có thể gây nhiễm trùng tiểu

36. Triệu chứng của nhiễm trùng tiểu, CHỌN CÂU SAI:

A. Trẻ càng nhỏ triệu chứng càng mơ hồ

B. Trẻ sơ sinh có thể có biểu hiện của nhiễm trùng toàn thân

C. Nhiễm trùng tiểu dưới thường có hội chứng niệu đạo cấp

D. Viêm đài bể thận cấp trẻ nữ thì thường biểu hiện bằng sốt, đau hông lưng

E. Viêm đài bể thận cấp thường trẻ sốt, đau hông lưng và trẻ ít có hội chứng

37. Giá trị của Nitrit (+) / TPTNT trong chẩn đoán nhiễm trùng tiểu:

A. Độ đặc hiệu khoảng 60- 70 %

B. Độ đặc hiệu khoảng 75 %

C. Độ nhạy trên 90 %

D. Độ : hạ thấp dưới 40%

E. Tất cả đều sai

38. Một trẻ 3 tháng tuổi, khi nhiễm trùng tiểu trên sẽ có triệu chứng:

A. Sốt cao, bú kém

B. Tiêu đau

C. Đau hông lưng

D. Trong hội chứng thận hư, trẻ dễ bị nhiễm trùng là do:

A. Mật yếu tố  $\alpha$  properdin beta

B. Giảm albumin máu

C. Tăng hoạt tính của vi khuẩn

D. Mất globulin miễn dịch

E. Tất cả đều đúng

39. Triệu chứng sớm của hội chứng thận hư tái phát là :

A. Trẻ tiểu ít

B. Trẻ phù mắt và lan toàn thân

C. Trẻ tăng cân nhanh

D. Que nhúng nước tiểu có đạm 3 ngày liên tiếp

E. Mí mắt trẻ sưng nhẹ

40. Điều trị cần thiết nhất cho bệnh nhân bị viêm cầu thận cấp hậu nhiễm trùng là :

A. Giảm phù

B. Kiểm soát huyết áp

C. Kháng sinh diệt liên cầu

D. Một trường hợp HCTH lệ thuộc corticoide là:

A. Không lui bệnh hoàn toàn dù đã điều trị corticoide quá 8 tuần

B. Tái phát 2 lần khi đang điều trị corticoide hay ngưng thuốc chưa quá 14 ngày

C. Tái phát 2 lần trong thời gian 6 tháng

D. Tái phát 4 lần trong một năm

E. Tái phát khi ngưng corticoide

9. Trẻ chán ăn trong thời kỳ ăn dặm, cần chú ý các nguyên nhân sau, CHỌN CẤU SAI:
- Do chế biến thức ăn
  - Chưa biết đa dạng hóa thức ăn tại địa phương
  - ☒ Cần tìm nguyên nhân thực thể
  - Đa số là do nguyên nhân bệnh lý
10. Triệu chứng lâm sàng liên quan đến hạ calci máu ở trẻ còi xương bào thai, CHỌN CẤU SAI:
- Khóc dạ đề
  - Nấc cụt
  - Ợc sữa
  - ☒ Tiểu và tiểu són nhiều lần
  - Bỏ bú
11. Phòng ngừa thiếu máu thiếu sắt:
- Bù mẹ ít nhất đến 6 tháng.
  - Nên bù thêm sữa bình vì sữa mẹ ít chất sắt hơn.
  - Bổ sung sắt cho trẻ sinh non.
  - Có thể ăn dặm sớm từ tháng thứ 4.
  - ☒ Bổ sung sắt ở phụ nữ mang thai.
12. Lâm sàng thiếu máu thiếu sắt, CHỌN CẤU SAI:
- Diễn tiến từ từ, tùy theo mức độ thiếu máu.
  - Da xanh xao, niêm nhợt.
  - Tóc khô, dễ gãy, rụng.
  - ☒ Gan lách thường to ở trẻ lớn.
  - Móng det, lõm, mất bóng.
13. Xét nghiệm trong thiếu máu thiếu sắt toàn phát:
- Sắt giảm, Ferritin giảm, Transferrin giảm, độ bão hòa Transferrin giảm.
  - ☒ Sắt giảm, Ferritin giảm, Transferrin giảm, độ bão hòa Transferrin tăng.
  - Sắt giảm, Ferritin giảm, Transferrin tăng, độ bão hòa Transferrin giảm.
  - Sắt giảm, Ferritin tăng, Transferrin tăng, độ bão hòa Transferrin giảm.
  - Sắt giảm, Ferritin tăng, Transferrin giảm, độ bão hòa Transferrin giảm.
14. Henoch-Scholein:
- Lá tính trạng viêm mạch máu lớn thường gặp nhất ở trẻ em.
  - ☒ 90% bệnh gặp ở trẻ em.
  - Trẻ em da đen thường bị bệnh nhiều hơn trẻ da trắng và châu Á.
  - Chủ yếu liên quan đến yếu tố gia đình.
  - Liên quan đến HLA B4 và DR35.
15. Biểu hiện lâm sàng thường gặp nhất của Henoch-Scholein trên:
- Mắt
  - ☒ Da
  - Thận
  - Tiểu hóa
  - Khớp
16. Đặc điểm lâm sàng của viêm tai giữa cấp, NGOẠI TRỪ:
- ☒ Thường gặp ở trẻ > 2 tuổi
  - Nam gặp nhiều hơn nữ
  - Sốt và đau tai là 2 dấu hiệu lâm sàng thường gặp
  - Khoảng 80% trẻ bị ít nhất 1 lần và bệnh thường tái phát
  - Có thể gây biến chứng viêm tai xương chũm, nhiễm trùng huyết
17. Tác nhân gây viêm thanh khí phế quản cấp thường gặp nhất là:
- ☒ RSV
  - Parainfluenza virus
  - Haemophilus Influenzae
  - Adenovirus
  - Mycoplasma





Vai trò của thuốc chống sốt:

- A. Nên được sử dụng trong mọi trường hợp nhằm làm giảm triệu chứng cho bé
- B. Quan trọng trong các trường hợp sốt lâu, nên hậu phần, điều trị ung thư
- C. Sử dụng đường tĩnh mạch trong các trường hợp bụng ngoại khoa
- D. Một số thuốc có thể gây hội chứng nội tháp
- E. Dùng sau mỗi lần nôn

Tình huống cho câu 52-54: Một bệnh nhi 10 tuổi, được chẩn đoán bệnh thấp tim, viêm tim nhẹ.

52. Bệnh nhi sẽ phải nghỉ ngơi trong bao lâu?

- A. 2 tuần.
- B. 4 tuần.
- C. 6 tuần.
- D. 3 tháng.
- E. 6 tháng.

53. Điều trị kháng viêm cho bệnh nhi này như thế nào?

- A. Aspirin uống liều tấn công trong 2 tuần và liều duy trì trong 6 tuần.
- B. Prednisone uống liều tấn công trong 2 tuần và liều duy trì trong 4 tuần.
- C. Prednisone uống liều tấn công trong 2 tuần, giảm liều prednisone từ từ rồi ngưng.
- D. Prednisone uống liều tấn công trong 2 tuần, giảm liều prednisone từ từ kèm theo Aspirin uống.
- E. Methylprednisolone tiêm mạch 2 ngày, sau đó uống Prednisone liều tấn công trong 3 tuần, rồi giảm liều từ từ trong 4 tuần.

54. Bệnh nhân này cần được cho kháng sinh dự phòng thấp tái phát trong bao lâu?

- A. Đến 15 tuổi.
- B. Đến 18 tuổi.
- C. Đến 25 tuổi.
- D. Đến 40 tuổi.
- E. Suốt đời.

Tình huống cho câu 55-56: Một bệnh nhi nam 8 tuổi đến phòng khám vì sốt ngày thứ ba, than đau họng, nuốt đau, không kèm sổ mũi. Bác sĩ khám thấy họng đỏ, hai amygdalae to nhẹ, đỏ, hạch góc hàm phải khoảng 1cm, đau.

55. Tác nhân nào dưới đây có nhiều khả năng gây bệnh nhất ở bệnh nhi này?

- A. Streptococcus pneumoniae.
- B. Streptococcus group A.
- C. Staphylococcus aureus.
- D. Staphylococcus epidermidis.
- E. Hemophilus influenza.

56. Bệnh lý nào dưới đây có thể xảy ra ở bệnh nhi này thông qua cơ chế miễn dịch?

- A. Thấp tim.
- B. Viêm vi cầu thận cấp.
- C. Hội chứng thận hư.
- D. A và B đúng.
- E. A, B và C đúng.

57. Một trẻ 30 tháng được đánh giá là thừa cân nếu:

- A.  $CN/CC > 120\%$
- B.  $CN/CC > +2SD$
- C.  $BMI > bách phân vị thứ 85$
- D.  $BMI > bách phân vị thứ 95$
- E.  $BMI > 2SD$ .

58. Yếu tố nào KHÔNG tăng nguy cơ béo phì?

- A. Cha mẹ béo
- B. Thành phố
- C. Mùa trong năm
- D. Ngủ nhiều
- E. Béo lúc nhỏ.



18. Chẩn đoán phân biệt viêm thanh khí quản cấp. NGOẠI TRÚ:

- A. Bạch hầu thanh quản
- B. Bướu máu vòng thanh quản
- C. ☒ Dị vật thanh quản
- D. Viêm phổi khô khan
- E. Mềm sụn thanh quản

19. Xương nào sau đây thông ra lỗ giữa của cuống mũi?

- ☒ A. Hàm, sàng trước và trán
- B. Hàm, trán và bướm
- C. Sàng trước, sàng sau và trán
- D. Sàng trước, sàng sau và bướm
- E. Hàm, trán và sàng sau

20. Nguyên nhân nào sau đây trong quá trình phát triển thai kỳ gây giảm sản phổi lúc sinh?

- ☒ A. Dị dạng mạch máu phổi
- B. Đa ối
- C. Thoát vị hoành
- D. Đồ khí-thực quản
- E. Tồn thương trung tâm hô hấp

21. Sơ sinh hay tắc mũi khi bị viêm mũi họng là do mũi:

- ☒ A. Nhỏ
- B. Ngăn
- C. Niêm mạc mỏng
- D. Theo Stephan Berman, viêm tiểu phế quản nặng có một trong những dấu hiệu sau đây, NGOẠI

TRÚ:  
D. Nhiều mao mạch  
~~E. Dễ bị sung huyết~~

22. Theo Stephan Berman, viêm tiểu phế quản nặng có một trong những dấu hiệu sau đây, NGOẠI

TRÚ:

- A. Thở rên
- B. Nhịp thở  $> 70$  lần/phút
- C. Co lõm ngực nặng
- ☒ D. Có dấu hiệu mất nước
- E.  $SpO_2 < 90\%$

23. Trẻ  $> 3$  tháng tuổi bị viêm tiểu phế quản được cho nhập viện khi có một trong những dấu hiệu sau đây, NGOẠI TRÚ:

- A. Nhịp thở  $\geq 70$  lần/phút
- ☒ B. Mạch  $\geq 120$  lần/phút
- C. Tím tái
- D. Bứt rứt, vật vã
- E. Xếp phổi trên X quang

24. Biện pháp nào sau đây không phải là điều trị chuẩn đổi với trẻ viêm tiểu phế quản?

- A. Dinh dưỡng và bù nước điện giải
- B. Oxy liệu pháp nếu có giảm oxy máu
- ☒ C. Khí dung thuốc dẫn phế quản nếu chưa loại trừ hen
- D. Khí dung nước muối ưu trương
- E. Khí dung Ribavirin khi trẻ có bệnh tim phổi mãn và nhiễm RSV

25. Điều trị không được khuyến cáo cho trẻ viêm tiểu phế quản (chúng cứ 1A) là:

- A. Thông thoáng mũi bằng nước muối sinh lý
- B. Oxy liệu pháp nếu có chỉ định
- C. Dinh dưỡng và bù nước điện giải
- ☒ D. Thuốc dẫn phế quản đường uống
- E. Kháng sinh nếu có bội nhiễm phổi

26. Chỉ định thở Oxy khi trẻ có viêm phổi, CHỌN CÂU SAI:

- A. Thở rên ở trẻ  $< 2$  tháng
- B. Thở co lõm ngực nặng
- ☒ C. Không bù được
- D. Thở nhanh so với lứa tuổi
- E. Tím

43. Bệnh nhi nam 3 tuổi, cân nặng 17kg, nhập viện vì phù toàn thân tuần. Bệnh nhân có Hb: 100g/L,  $\text{urea}$ , creatinin máu: 0,4 mg/dL, tổng protein tiểu thủy có protein 4+, Cry: neg. Lau cấy Chẩn đoán nào dưới đây là phù hợp nhất?
- A. Viêm cầu thận cấp hậu nhiễm liên cầu trong
- ☒ B. Viêm cầu thận tiến triển nhanh
- C. Hội chứng thận hư
- D. Viêm cầu thận tiến triển nhanh
- E. Phù do suy dinh dưỡng
44. Trẻ 18 ngày tuổi, đến khám vì chướng bụng, táo bón, tiểu lỏng. Khám lâm sàng cho thấy trẻ đói. Xét nghiệm máu sau đây là **KHÔNG** cần thiết:
- A. CRP
- ☒ B. Số phân
- C. X-quang bụng
- D. Sinh hiệu
- E. Tiền căn tiểu chảy trước đó
45. Yếu tố nào quan trọng nhất khi khám một bệnh nhi tiểu chảy cấp:
- A. Sinh hiệu
- ☒ B. Tiền căn tiểu chảy trước đó
- C. Đau mắt nước
- D. Tìm nguyên nhân gây tiểu chảy
- E. Đánh giá có thiếu kẽm hay không
46. Bé Hoàng 12 tháng tuổi, được đưa đi khám vì tiểu phân lỏng 6-7 lần mỗi ngày trong 2 ngày qua. Khám thấy bé tỉnh táo, nhìn đói theo đồ vật xung quanh. Bé có mắt trũng và được mẹ xác nhận. Hoàng uống nước khát, háo hức và có dấu véo da mất nước của bé Hoàng:
- A. Không mất nước
- ☒ B. Có mất nước
- C. Mất nước nhẹ
- D. Mất nước vừa
- E. Mất nước nặng
47. Cầu não Jürg cho vắc-xin ngừa tiểu chảy nặng do Rotavirus:
- A. Có thể dùng từ sơ sinh để bảo vệ sớm
- ☒ B. Dùng đường uống
- C. Các tiêu cách nhau ít nhất 4 tháng
- D. Nếu uống đủ liều và đúng lịch sẽ ngừa được tiểu chảy cấp do Rotavirus gây ra
- E. Là một vắc-xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng của Việt Nam
48. Chọn câu đúng về triệu chứng nôn:
- A. Là triệu chứng thể hiện bệnh của đường tiêu hoá
- ☒ B. Là phản xạ bảo vệ
- C. Đi qua vùng CTZ (chemoreceptor trigger zone)
- D. Liên quan chủ yếu đến thần kinh V
- ☒ E. Trung tâm nôn được kích thích bởi chất hoá học, còn CTZ là bởi kích thích điện
49. Các đặc điểm cần hỏi khi tiếp cận bệnh nhân nôn:
- A. Thời điểm xuất hiện
- B. Số lần nôn
- C. Liên quan đến bữa ăn và tư thế
- D. Đặc tính nôn
- ☒ E. Tất cả các câu trên đều đúng
50. Với bệnh nhân nôn nhiều và xảy ra sớm trong vài ngày đầu sau sinh, không được quên các nguyên nhân:
- A. Viêm dạ dày
- B. Tác nhân hô hấp
- C. Xuất huyết não màng não muộn do thiếu vitamin K
- D. Nhiễm trùng rốn
- ☒ E. Di tật bẩm sinh



07 tuổi, APGAR 8/9, cân nặng 2900g. Sau sinh, bé khỏe ngay, bú tốt, khám lâm sàng bình thường.

Chọn câu ĐÚNG:

- A. Trẻ này non tháng
- B. Trẻ này đủ cân
- C. Trẻ này bị nhiễm trùng sơ sinh

35. ☒ Theo dõi lâm sàng và xét nghiệm, nếu có bất thường cho kháng sinh ngay.

☒ Thường là vi trùng gram dương

B. E.coli là tác nhân thường gặp nhất, chiếm 85% nhiễm trùng tiểu ngoài cộng đồng

C. Vi trùng Non-E.coli thường gây nhiễm trùng tiểu trên cơ địa bất thường đường tiểu

☒ Staphylococcus aureus hiếm khi gây nhiễm trùng tiểu

E. Enterococcus là vi trùng Gram dương đường ruột có thể gây nhiễm trùng tiểu

36. ☒ Triệu chứng của nhiễm trùng tiểu, CHỌN CÂU SAI:

A. Trẻ càng nhỏ triệu chứng càng mơ hồ

B. Trẻ sơ sinh có thể có biểu hiện của nhiễm trùng toàn thân

C. Nhiễm trùng tiểu dưới thường có hội chứng niệu đạo cấp.

☒ Viêm đài bể thận cấp trẻ nữ thì thường biểu hiện bằng sốt, đau hông lưng

E. Viêm đài bể thận cấp thường trẻ sốt, đau hông lưng và trẻ ít có hội chứng

37. Giá trị của Nitrit (+) / TPTNT trong chẩn đoán nhiễm trùng tiểu:

A. Độ đặc hiệu khoảng 60- 70 %

B. Độ đặc hiệu khoảng 75 %

C. Độ nhạy trên 90 %

☒ D. Độ : hạ thấp dưới 40%

☒ E. Tất cả đều sai

38. Một trẻ 3 tháng tuổi, khi nhiễm trùng tiểu trên sẽ có triệu chứng:

☒ A. Sốt cao, bú kém

B. Tiêu đau

C. Đau hông lưng

39. Trong hội chứng thận hư, trẻ dễ bị nhiễm trùng là do:

A. Mất yếu tố α properdin

B. Giảm albumin máu

C. Tăng hoạt tính của vi khuẩn

☒ D. Mất globulin miễn dịch

E. Tất cả đều đúng

40. Triệu chứng sớm của hội chứng thận hư tái phát là :

A. Trẻ tiểu ít

B. Trẻ phù mắt và lan toàn thân

C. Trẻ tăng cân nhanh

☒ D. Que nhúng nước tiểu có đậm 3 ngày liên tiếp

E. Mị mắt trẻ sưng nhẹ

41. Điều trị cần thiết nhất cho bệnh nhân bị viêm cầu thận cấp hậu nhiễm trùng là :

A. Giảm phù

☒ B. Kiểm soát huyết áp

☒ C. Kháng sinh diệt liên cầu

42. Một trường hợp HCTH lệ thuộc corticoide là:

A. Không lui bệnh hoàn toàn dù đã điều trị corticoide quá 8 tuần

☒ B. Tái phát 2 lần khi đang điều trị corticoide hay ngưng thuốc chưa quá 14 ngày

C. Tái phát 2 lần trong thời gian 6 tháng

D. Tái phát 4 lần trong một năm

E. Tái phát khi ngưng corticoide

D. Rối loạn đi tiểu.

E. Tất cả đều đúng

D. Prednisone

E. Lọc thận